

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm dự án, công trình và số lượng dự án, công trình, nhu cầu sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Phong Thổ và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Phong Thổ

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu: số 50/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2022, số 37/NQ-HĐND ngày 11 tháng 9 năm 2023 về chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu: số 630/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021 phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phong Thổ; số 2991/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Phong Thổ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3179/TTr-STNMT ngày 20 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm dự án, công trình và số lượng dự án, công trình, nhu cầu sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Phong Thổ và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Phong Thổ, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích đối với 11 dự án, công trình và 01 nhu cầu sử dụng đất.
2. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích đối với 04 dự án, công trình và 02 nhu cầu sử dụng đất.
3. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích đối với 01 dự án, công trình.
4. Điều chỉnh tăng về số lượng đối với 01 dự án, công trình.

(Có biểu chi tiết vị trí, địa điểm, diện tích cụ thể của các công trình, dự án, khu đất kèm theo)

Các nội dung khác không điều chỉnh tại Quyết định này thực hiện theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 387/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2022, số 658/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022; số 1428/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022, 1529/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ
 - a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.
 - b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt và đúng thẩm quyền.
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn các Nhà đầu tư về trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế (nếu có) và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn các nhà đầu tư về trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

4. Sở Công Thương hướng dẫn chủ đầu tư các dự án thủy điện thực hiện theo quy định về quản lý quy hoạch thủy điện.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định.

b) Tham mưu thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

6. Chủ đầu tư các dự án, công trình và các hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V1, V3, CB (đăng tải);
- Lưu: VT, Kt4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH VỀ QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH VÀ SỐ LƯỢNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH, NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 CỦA HUYỆN PHONG THỔ VÀ CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN PHONG THỔ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: ha

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng đang quản lý sử dụng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích (11 dự án, công trình và 01 nhu cầu sử dụng đất)									
1	Đường giao thông liên bản Hoàng Thèn xã Hoàng Thèn - bản Tả Phìn xã Ma Li Pho	Các xã: Hoàng Thèn, Ma Li Pho	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,48 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,05 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 1,93 ha; đất giao thông (DGT) 0,39 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 1,25 ha.	1,0	Đất giao thông (DGT)	4,1	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 11/9/2023 của HĐND tỉnh về chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023.	
2	Bố trí sắp xếp ổn định dân cư tập trung vùng thiên tai bản Cấn Câu, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ	Xã Sin Suối Hồ	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 4,6 ha, đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,5 ha, đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,8 ha, đất giao thông (DGT) 0,78 ha.	7,2	Đất ở tại nông thôn (ONT)	7,68	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 11/9/2023 của HĐND tỉnh về chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023.	
3	Điểm sắp xếp dân cư vùng có nguy cơ sảy ra thiên tai xã Bản Lang	Xã Bản Lang	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,3 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,02 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,14 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,6 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NST) 0,001 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,04 ha; đất giao thông (DGT) 0,06 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,19 ha; đất đồi núi chưa sử dụng 0,009 ha.	4,1	Đất ở tại nông thôn (ONT)	4,36	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 11/9/2023 của HĐND tỉnh về chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023.	

4	Nâng cấp đường tuần tra biên giới Cửa khẩu Ma Lù Thàng - Lùng Than - Vàng Ma Chải	Các xã: Ma Li Pho, Mù Sang, Vàng Ma Chải	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,15 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,15 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 8,6 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,22 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,03 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,12 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) 0,01 ha; đất giao thông (DGT) 20,4 ha; đất cơ sở giáo dục - đào tạo (DGD) 0,02 ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,38 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 5,77 ha.	16,2	Đất giao thông (DGT)	35,85	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 11/9/2023 của HĐND tỉnh về chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023.	Gồm cả 20,4 ha phần diện tích hiện trạng đường giao thông cũ (đăng ký vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ giao đất)
5	Thủy điện Vàng Ma Chải 3	Các xã: Vàng Ma Chải, Đào San, Mù Sang	Đất giao thông (DGT) 0,29 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 2,24 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 16,76 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,15 ha; đất sông, suối (SON) 1,8 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,41 ha.	16,4	Đất công trình năng lượng (DNL)	21,65	Đất công trình năng lượng (DNL)	Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thủy điện Vàng Ma Chải 3 (điều chỉnh lần thứ 4).	Điều chỉnh quy mô, ranh giới tăng diện tích do điều chỉnh mở rộng diện tích lòng hồ để đảm bảo hành lang an toàn hồ chứa thủy điện.
6	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Xe	Xã Nậm Xe	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,058 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,072 ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,01 ha.	0,11	Đất an ninh (CAN)	0,14	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh.	
7	Trụ sở làm việc Công an xã Sì Lờ Lầu	Xã Sì Lờ Lầu	Đất xây dựng cơ sở y tế (DYT) 0,1 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,16 ha	0,14	Đất an ninh (CAN)	0,26	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 1632/QĐ-UBND, ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đầu tư cơ sở làm việc Công an các xã, thị trấn.	
8	Trụ sở làm việc Công an xã Huổi Luông	Xã Huổi Luông	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,2 ha	0,115	Đất an ninh (CAN)	0,2	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh.	

9	Trụ sở làm việc Công an xã Pa Vây Sừ	Xã Pa Vây Sừ	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,14 ha; đất trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,012 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,002 ha.	0,15	Đất an ninh (CAN)	0,154	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh.	
10	Chốt chiến dân quân thường trực biên giới đất liền	Xã Ma Li Pho	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,01 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,83 ha; đất bằng trồng cây lâu năm (CLN) 0,98 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,08 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NST) 0,03 ha; đất giao thông (DGT) 0,03 ha; đất sông suối (SON) 0,01 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,02 ha.	1,00	Đất quốc phòng (DQP)	3,02	Đất quốc phòng (DQP)	Công văn số 5800/BTM-DQ ngày 01/12/2022 của Bộ tham mưu - Quân khu 2 về việc chỉ đạo tiếp tục khảo sát và đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chốt chiến dân quân thường trực biên giới đất liền.	Điều chỉnh quy mô, vị trí tăng diện tích thực hiện dự án.
11	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường mô đá Si Choang, xã Vàng Mai Chải, huyện Phong Thổ	Xã Vàng Ma Chải	Đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX) 0,95 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 2,83 ha	3,22	Đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX)	3,78	Đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX)	Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mô đá Si Choang, xã Vàng Ma Chải, huyện Phong Thổ.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới tăng diện tích thực hiện dự án để phù hợp với phạm vi khai thác (bổ sung thêm bãi chứa, khu phụ trợ)
12	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn	Xã Khổng Lào	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,29 ha	0,28	Đất ở tại nông thôn (ONT)	0,29	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Tờ trình số 232/TTr-UBND ngày 17/10/2023 của UBND huyện Phong Thổ	Điều chỉnh lại quy mô, ranh giới đất quy hoạch để phù hợp với nhu cầu chuyển mục đích của người sử dụng đất
II	Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích (04 dự án, công trình và 02 nhu cầu sử dụng đất)								
1	Đường từ đôn, trạm biên phòng ra mốc quốc giới phục vụ cho việc tuần tra bảo vệ mốc, huyện Phong Thổ (đoạn từ xã Tung Qua Lìn - Mốc 82)	Xã Tung Qua Lìn	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,1 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,3 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 3,56 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 15,9 ha; đất giao thông (DGT) 0,17 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 2,91 ha.	23,85	Đất giao thông (DGT)	22,94	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 11/9/2023 của HĐND tỉnh về chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích thực hiện dự án.

2	Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thành - Thèn Sin - Mường So)	Xã Nậm Xe	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,55 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,66 ha; đất giao thông (DGT) 3,59 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,17 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 2,3 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 5,38 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,5 ha; đất sông, suối (SON) 0,14 ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,64 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,367 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NST) 0,07 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,97 ha; đất chợ (DCH) 0,02 ha; đất cơ sở giáo dục, đào tạo (DGD) 0,01 ha; đất văn hóa (DVH) 0,01 ha; đất trụ sở cơ quan (TSC) 0,003; đất bưu chính, viễn thông (DBV) 0,01 ha	54,09	Đất giao thông (DGT)	15,39	Đất giao thông (DGT)	Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thành - Thèn Sin - Mường So).	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích thực hiện dự án do thời điểm đăng ký quy hoạch sử dụng đất chủ đầu tư xác định diện tích chưa chính xác do quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 chỉ đầu tư 22 km từ San Thành đến trung tâm xã Nậm Xe.
3	Trụ sở làm việc Công an xã Mù Sang	Xã Mù Sang	Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,04 ha; đất trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,01 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,054 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,008 ha	0,2	Đất an ninh (CAN)	0,112	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh.	
4	Trụ sở làm việc Công an xã Sin Suối Hồ	Xã Sin Suối Hồ	Đất trụ sở cơ quan (TSC) 0,07 ha.	0,12	Đất an ninh (CAN)	0,07	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh.	
5	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn	Xã Hoang Thèn	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,14 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,28 ha	0,46	Đất ở tại nông thôn (ONT)	0,42	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Tờ trình số 232/TTr-UBND ngày 17/10/2023 của UBND huyện Phong Thổ	Điều chỉnh lại quy mô, ranh giới đất quy hoạch để phù hợp với nhu cầu chuyển mục đích của người sử dụng đất
6	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn	Xã Ma Li Pho	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,57 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,11 ha	1,64	Đất ở tại nông thôn (ONT)	0,68	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Tờ trình số 232/TTr-UBND ngày 17/10/2023 của UBND huyện Phong Thổ	Điều chỉnh lại quy mô, ranh giới đất quy hoạch để phù hợp với nhu cầu chuyển mục đích của người sử dụng đất

III Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích (01 dự án, công trình)									
1	Trụ sở làm việc Công an xã Lân Nhì Thành	Xã Lân Nhì Thành	Đất trồng cây hằng năm khác (BHK) 0,089 ha; đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác (NHK) 0,083 ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,028 ha	0,2	Đất an ninh (CAN)	0,2	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 1632/QĐ-UBND, ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đầu tư cơ sở làm việc Công an các xã, thị trấn.	
IV Điều chỉnh tăng về số lượng dự án, công trình (01 dự án, công trình)									
1	Đường giao thông vùng cây ăn quả huyện Phong Thổ	Xã: Bản Lang, Nậm Xe, Huổi Luông, Ma Li Pho	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,5 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,85 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,24 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,27 ha; đất giao thông (DGT) 3,19 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 2,75 ha			9,8	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 11/9/2023 của HĐND tỉnh về chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2023.	